

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TS. Lê Quang Cảnh, TS. Đặng Thị Lệ Xuân, Th.s Trịnh Thị Thúy

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: canh@neu.edu.vn

Sử dụng số liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bài viết này nghiên cứu các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên trong trường. Bài viết đề cập tới 5 nhóm yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên bao gồm: đặc điểm của môn học, đặc điểm của sinh viên, các yếu tố thuộc về giảng viên, yếu tố thuộc về đặc điểm của gia đình sinh viên, và các yếu tố khác. Từ kết quả ước lượng hồi quy đa biến, nghiên cứu này sẽ đề xuất một số ý kiến nhằm nâng cao hơn nữa kết quả học tập của sinh viên tại trường.

Từ khóa: Đại học Kinh tế Quốc dân, kết quả học tập, sinh viên, yếu tố tác động.

1. Giới thiệu

Giáo dục vừa là mục tiêu và điều kiện của phát triển. Cùng với y tế, giáo dục là yếu tố chính tác động tới nguồn vốn con người, chất lượng nguồn nhân lực. Giáo dục có tác động lớn tới phát triển ở các góc độ cải thiện nguồn vốn con người, chất lượng cuộc sống và sự tự do trong phát triển; là yếu tố quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, nâng cao vai trò của phụ nữ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi;... và là yếu tố quyết định tới thực hiện thành công các mục tiêu của phát triển (Todaro và Smith, 2011).

Kết quả học tập của sinh viên là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng giáo dục đại học, và đã có nhiều nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên được thực hiện. Các nghiên cứu này là một căn cứ quan trọng giúp các nhà quản lý giáo dục, nhà hoạch định chính sách đưa ra được những chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả học tập trong các cơ sở giáo dục đại học nói riêng hay nâng cao chất lượng giáo dục nói chung. Những nghiên cứu này còn rất hữu ích đối với nhà trường, cha mẹ sinh viên trong việc giúp đỡ sinh viên và con cái đạt kết quả học tập tốt, đồng thời bản thân sinh viên có những điều chỉnh cần thiết để có được kết quả học tập cao hơn. Bài viết này sẽ nghiên cứu các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên chính quy trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trên cơ sở đó, bài viết sẽ có

những gợi ý và đề xuất đối với Nhà trường, giảng viên và sinh viên nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên trong Trường. Mục tiếp theo của bài viết sẽ đề cập tới phương pháp luận nghiên cứu, trong đó nêu rõ phương pháp thu nhập số liệu và xây dựng mô hình ước lượng. Mục 3 sẽ cung cấp các kết quả ước lượng và các phát hiện của nghiên cứu. Mục 4 sẽ có những gợi ý và đề xuất hướng tới việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên tại Trường.

2. Phương pháp luận nghiên cứu

Các nghiên cứu về những yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên đại học được nghiên cứu từ lâu và rất đa dạng. Lincoln (1917) đã tính toán hệ số tương quan giữa kết quả học tập hai năm đầu tiên của sinh viên trường Harvard với các kết quả học tập từ phổ thông trung học và điểm thi đầu vào. Đây có thể coi là công trình tiên phong nghiên cứu về yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên. Sau công trình nghiên cứu của Lincoln (1917), hàng loạt các nghiên cứu về lĩnh vực này đã được thực hiện. Các nghiên cứu được tiến hành ở các quốc gia, các nhóm ngành nghề với các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập khác nhau. Trong các nghiên cứu trước đây, các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên có thể được chia thành hai nhóm: (i) nhóm các yếu tố mang tính khách quan như: giới tính, chủng tộc, độ tuổi nhập học, học vấn của cha mẹ, thu nhập của cha mẹ, địa chỉ cư trú của gia đình, khoảng cách tới trường, tình trạng dinh dưỡng của

sinh viên... (ii) Nhóm yếu tố mang tính chủ quan của sinh viên như: điểm đầu vào khi thi vào trường đại học, điểm học trong giai đoạn trung học phổ thông, ý thức học tập, động cơ học tập...

Ở Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu xác định các yếu tố tác động và lượng hóa sự tác động đó tới kết quả học tập của sinh viên. Các nghiên cứu trong nước trước đây thường tập trung đi vào phân tích các yếu tố tác động tới chất lượng đào tạo của bậc học đại học và kết quả học tập của sinh viên một cách chung chung, sử dụng các phân tích mang tính định tính và thường thiếu những lập luận có dẫn chứng nên ý nghĩa của các nghiên cứu đó còn hạn chế, đặc biệt trong việc đưa ra các khuyến cáo hữu ích, có căn cứ.

Trong nghiên cứu này, 5 nhóm yếu tố tác động sẽ được đề cập đến, bao gồm: (i) đặc điểm của môn học; (ii) đặc điểm của sinh viên; (iii) các yếu tố thuộc về giảng viên; (iv) các yếu tố thuộc về đặc điểm của gia đình sinh viên; và (v) các yếu tố tác động khác.

2.1. Số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này thu được từ cuộc khảo sát sinh viên hệ chính quy các khóa 50, 51, 52, và 53 (từ năm thứ nhất tới năm thứ tư) trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Mẫu khảo sát bao gồm 600 sinh viên đến từ 8 ngành và 4 khóa. Cách chọn mẫu khảo sát tuân theo phương pháp chọn mẫu phân tầng ngẫu nhiên. Theo đó, số lượng sinh viên trong mẫu khảo sát các ngành được xác định trước dựa trên cơ cấu sinh viên thực tế đang theo học tại trường, còn sinh viên trong mẫu khảo sát được lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Cách chọn mẫu này giúp giải quyết được các yêu cầu khi thiết kế nghiên cứu đồng thời cũng đảm bảo tính ngẫu nhiên của mẫu khảo sát. Thông tin cơ bản về mẫu khảo sát trình bày trong Bảng 1.

2.2. Mô hình và phương pháp ước lượng

Để nghiên cứu và đo lường ảnh hưởng của biến

Bảng 1: Tỷ lệ (%) các đối tượng sinh viên trong mẫu khảo sát

	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
Chung	28,3	22,4	26,9	22,4
Nữ	65,4	49,7	59,2	57,3
Dân tộc	3,6	3,8	4,1	3,2

Nguồn: Tính toán từ mẫu khảo sát

tác động tới kết quả học tập của sinh viên, nghiên cứu sử dụng mô hình ước lượng có dạng tuyến tính. Trong đó, biến phụ thuộc là điểm thi kết thúc học phần của sinh viên, còn các biến độc lập là những yếu tố liên quan đến đặc điểm của học phần, đặc điểm của sinh viên, những đặc điểm liên quan đến gia đình sinh viên, các đặc điểm của giảng viên dạy môn học đó, và một số yếu tố tác động khác. Mô hình ước lượng được mô tả trong phương trình dưới đây.

$$Y = f(X, S, H, L, Z)$$

$$= \alpha + \sum \mu_h Z_h + \sum \beta_i X_i + \sum \gamma_j S_j + \sum \varphi_k H_k + \sum \theta_l L_l + \varepsilon$$

Trong đó: α , β , γ , φ , θ , và μ là các tham số trong mô hình; Y là biến phụ thuộc được đo bằng kết quả thi kết thúc học phần; X là nhóm các yếu tố liên quan tới học phần mà theo đó kết quả thi kết thúc học phần được khảo sát; S là các biến ảnh hưởng thuộc về đặc điểm của sinh viên; H là nhóm các yếu tố thuộc đặc điểm của gia đình tác động tới kết quả học tập của sinh viên; L là nhóm các yếu tố thuộc về giảng viên tham gia giảng học phần được khảo sát; Z là nhóm các yếu tố khác có thể tác động tới kết quả học tập của sinh viên; và ε là biến ngẫu nhiên đại diện cho các yếu tố không đo được thông qua mô hình.

Trong mô hình này, biến phụ thuộc là kết quả học tập của sinh viên được đo bằng kết quả thi kết thúc học phần tính trên thang điểm 10. Để tăng độ tin cậy của kết quả ước lượng, nghiên cứu tiến hành kiểm định đa cộng tuyến giữa các biến độc lập sử dụng. Nghiên cứu đã sử dụng nhân tử phóng đại phương sai VIF để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả kiểm định cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình.

3. Kết quả ước lượng

Sử dụng phương pháp ước lượng OLS cho mô hình hồi quy đa biến, nghiên cứu đã xác định được các yếu tố tác động và ước lượng sự tác động đó tới kết quả học tập của sinh viên chính quy tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Kết quả ước lượng được trình bày trong bảng 2.

3.1. Các yếu tố thuộc đặc điểm môn học

Nhóm/loại học phần sinh viên theo học có ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên. Học phần tự chọn và học phần chuyên ngành lần lượt có kết quả cao hơn học phần bắt buộc đại cương là 0,67 và 0,37 điểm. Kết quả này cho thấy, tăng sự lựa chọn các học phần cho sinh viên sẽ là một yếu tố quan

Bảng 2: Kết quả ước lượng các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân

Tên biến	Hệ số tác động	Tên biến	Hệ số tác động
Đặc điểm môn học		Đặc điểm của giảng viên	
Học phần tự chọn	0,664**	Giảng viên nam	-0,259**
Học phần chuyên ngành	0,369**	Giáo sư	-0,352*
Có giáo trình	0,733***	Giảng viên	-0,436**
Thời gian ôn thi	0,011	Giảng viên tập sự	-0,453**
Đề thi dạng tự luận	-0,555***	PPGD mới (thảo luận/trao đổi)	0,507***
Đề thi dạng trắc nghiệm	-0,304*	PHGD khác	0,122
Có hệ thống	0,208	Nghỉ giảng/giảng thay	-0,207*
Đặc điểm của sinh viên		Đặc điểm gia đình sinh viên	
Giới tính nam	-0,496***	Chủ hộ nam	-0,233
Dân tộc khác Kinh	-0,862***	Đồng bằng sông Hồng	0,277
Cán bộ lớp	0,207	Vùng núi phía Bắc	0,371
Sinh viên năm thứ nhất	0,037	Bắc miền Trung	0,317
Sinh viên năm thứ hai	-0,084	Quy mô hộ	0,000
Sinh viên năm thứ ba	0,401*	Thu nhập của hộ	0,007***
Ngành Kinh tế	0,355	Hộ nghèo	0,010
Quản trị Kinh doanh	0,600	Đặc điểm người cha	
Ngân hàng - Tài chính	0,934	Từ PTTH đến cao đẳng	0,229
Kế toán	0,863	Đại học	-0,240
Khoa học máy tính	1,053	Sau đại học	-0,296
Luật	1,036	Nông dân	-0,247
Ngôn ngữ Anh	0,172	Kinh doanh	0,083
Ở ký túc xá	-0,222	Cán bộ nhà nước	0,247
Thuê nhà ở ngoài	-0,224	Đặc điểm người mẹ	
Ở nhà người thân	-0,573**	Từ PTTH đến cao đẳng	-0,364**
Số tín chỉ đăng ký	-0,014**	Đại học	-0,165
Thích học học phần	1,127***	Sau đại học	-0,321
Thời gian học thêm	-0,062	Nông dân	0,064
Số buổi nghỉ học	-0,047	Kinh doanh	-0,201
Người quen là giảng viên	0,552**	Cán bộ nhà nước	-0,100
Làm thêm trong học kỳ	-0,438	Có người học đại học	0,269**
Vay tín dụng sinh viên	0,205	Các đặc điểm/yếu tố khác	
Đang yêu trong học kỳ	0,042	Cổ vấn học tập	0,237**
		Thư viện	-0,088
		Thời gian sử dụng internet	-0,002

Ghi chú: *** thể hiện kết quả ước lượng có ý nghĩa ở mức 1%; ** có ý nghĩa ở mức 5%; và * có ý nghĩa ở mức 10%.

trọng trong việc nâng cao kết quả học tập và xa hơn nữa là nâng cao chất lượng đào tạo.

Học phần nào có giáo trình sẽ giúp sinh viên có kết quả học tập của học phần đó cao hơn so với kết

quả của học phần không có giáo trình 0.73 điểm trên thang điểm 10. Kết quả này phản ánh rõ vai trò của giáo trình trong đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và ở tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

Kết quả thực nghiệm này ủng hộ việc đổi mới công tác biên soạn, xây dựng giáo trình đang diễn ra mạnh mẽ tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thời gian ôn thi hết học phần dài hay ngắn và có hay không có buổi hệ thống không có ảnh hưởng gì tới kết quả thi của học phần. Kết quả này phần nào có thể giải tỏa những nỗi lo rằng chuyển sang cách học theo tín chỉ, sinh viên không có nhiều thời gian ôn tập trước khi thi hay lớp khó tổ chức buổi hệ thống sẽ tác động tiêu cực tới kết quả thi kết thúc học phần và làm giảm kết quả học tập. Kết quả này có thể là cơ sở ủng hộ việc bỏ buổi học hệ thống vì học tập là một quá trình thường xuyên, liên tục, và thực tế nhiều giảng viên không tiến hành buổi hệ thống này.

Hình thức thi kết thúc học phần có tác động tới kết quả thi học phần. Hình thức thi tự luận/học thuộc lòng và hình thức thi trắc nghiệm cho kết quả thấp hơn so với hình thức thi kết thúc học phần mà trong đó bao gồm cả phần thi tự luận và trắc nghiệm lần lượt là 0,55 và 0,30 điểm, với mức ý nghĩa 5%. Như vậy, hình thức thi kết hợp được cả phần thi tự luận và trắc nghiệm là phù hợp trong bối cảnh dạy và học trong các ngành đào tạo của trường Đại học Kinh tế Quốc dân hiện nay.

3.2. Các yếu tố thuộc đặc điểm sinh viên

Sinh viên nữ có kết quả học tập tốt hơn sinh viên nam là 0,49 điểm. Điểm trung bình chung của nữ cũng cao hơn điểm trung bình chung của sinh viên nam, điểm này trong mẫu nghiên cứu lần lượt là 7,2 và 6,7. Kết quả thực nghiệm này hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu trước đây ví dụ như: Andrew (1971), Harbison và Hanushek (1993), (Yuen, 2010). Sinh viên là người dân tộc thiểu số có kết quả học tập kém hơn sinh viên là người Kinh là 0,86 điểm và kết quả này có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Kết quả này hoàn toàn giống như dự đoán và nhiều kết quả nghiên cứu trước đó, cũng như đúng với thực trạng chênh lệch phát triển của hai nhóm sinh viên này.

Các đặc điểm sinh viên như tham gia cán bộ lớp, tham gia các hoạt động xã hội, nghỉ học, vay tín dụng sinh viên, có bạn gái/traai trong thời gian học... không có ảnh hưởng gì tới kết quả học tập của sinh viên. Các hệ số đại diện cho các biến này đều có ảnh hưởng thuận hoặc nghịch theo dự đoán nhưng không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Kết quả này đã giải tỏa mỗi lo lắng rằng việc sinh viên

tham gia nhiều công tác đoàn hội sẽ bị ảnh hưởng tới kết quả học tập. Thời gian tự học ngoài giờ bổ sung cho học phần cũng không ảnh hưởng tới kết quả thi kết thúc học phần. Điều này cho thấy rằng công tác ra đề thi hiện nay không khuyến khích/yêu cầu sinh viên phải học/đọc thêm tài liệu ngoài những nội dung đã giảng hoặc cung cấp trên lớp. Do đó sinh viên chỉ cần lên lớp và học những nội dung được trang bị trên lớp là có thể có kết quả học tập mong muốn. Kết quả này đặt ra vấn đề đổi mới cách thức ra đề thi và phương pháp đánh giá kết quả học phần.

Kết quả học tập của sinh viên không có sự khác biệt giữa các sinh viên học năm thứ nhất tới sinh viên học năm cuối-năm thứ tư, cũng như giữa các sinh viên thuộc các ngành đào tạo khác nhau trong trường. Điều này có vẻ như trái với kỳ vọng của một số người đọc khi cho rằng học các môn chuyên ngành sẽ có kết quả cao hơn học các môn đại cương. Tuy nhiên, sự cố gắng của các sinh viên mới đã mang lại kết quả học tập tương đối tốt so với các sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba. Tương tự, kết quả học tập của sinh viên cũng không có sự khác biệt giữa các ngành.

Các yếu tố về nơi ở và làm thêm của sinh viên có tác động tới kết quả học tập. Sinh viên ở với gia đình có kết quả học tập cao hơn các sinh viên khác, kể cả sinh viên nội trú, thuê nhà, và ở nhờ nhà người thân. Cũng theo kết quả hồi quy, sinh viên đi làm thêm có kết quả học tập thấp hơn so với những sinh viên không tham gia làm thêm trong khi học. Như vậy, trong bối cảnh Việt Nam, hình thức học tập trung vẫn là hình thức mang lại kết quả học tập cao hơn và chất lượng hơn.

Yếu tố nữa tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên đó là sự thích thú học và sinh viên có sự thân quen với giảng viên trong trường. Đối với sinh viên thích học môn học nào đó thì kết quả học tập của sinh viên cao hơn kết quả của sinh viên không thích môn học đó là 1,12 điểm. Còn nếu sinh viên có người thân quen là giảng viên thì kết quả học tập sẽ cao hơn 0,55 điểm so với sinh viên không có người thân quen là giảng viên trong trường.

Một kết quả khác đúng như kỳ vọng đó là số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ có tác động nghịch với kết quả học tập của sinh viên. Mỗi học trình tăng thêm trong học kỳ sẽ làm giảm 0,01 điểm trong kết quả thi kết thúc học phần.

Điều này đặt vấn đề cho các nhà quản lý đào tạo nhằm thiết kế lịch trình phù hợp sao cho sinh viên không phải học quá nhiều đơn vị học trình/tín chỉ trong mỗi học kỳ. Kết quả này ủng hộ cho việc đổi mới lịch học theo ba học kỳ của trường Đại học Kinh tế Quốc dân trên phương diện góp phần giảm số lượng đơn vị học trình/tín chỉ mà sinh viên phải học trong mỗi học kỳ, và góp phần nâng cao kết quả học tập.

3.3. Các yếu tố thuộc đặc điểm của giảng viên

Sinh viên học những môn do giảng viên nam đảm nhiệm có kết quả học tập thấp hơn so với những môn học do giảng viên nữ giảng dạy là 0,44 điểm. Câu hỏi tiếp tục nghiên cứu ở đây là: điều gì lý giải cho kết quả thực nghiệm này, và nếu có một nghiên cứu lựa chọn được các sinh viên, môn học đồng nhất,... thì kết quả thực nghiệm này sẽ có nhiều điều thú vị được đề xuất.

Học hàm của giảng viên có tác động tới kết quả học tập của sinh viên. Những giảng viên mang học hàm phó giáo sư giúp sinh viên có kết quả học tập cao hơn các đối tượng giảng viên khác, kể cả những giảng viên mang học hàm giáo sư. Kết quả thi kết thúc học phần của sinh viên do giáo sư giảng dạy thấp hơn 0,35 điểm so với điểm của sinh viên do phó giáo sư đảm nhiệm. Điểm thi của sinh viên do giảng viên và giảng viên tập sự giảng dạy thấp hơn điểm thi của sinh viên do phó giáo sư giảng dạy lần lượt là 0,43 và 0,45 điểm.

Phương pháp giảng dạy của giảng viên ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên. Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm, trong đó có lấy hướng dẫn thảo luận cởi mở giúp sinh viên có kết quả học tập cao hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống (đọc-ghi) là 0,51 điểm. Kết quả này ngụ ý rằng, đổi mới phương pháp học tập và giảng dạy cần tiếp tục triển khai tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân để góp phần nâng cao kết quả học tập và chất lượng đào tạo tại trường.

Giáo viên nghỉ giảng hoặc giảng thay làm kết quả học tập của sinh viên thấp hơn so với trường hợp các giảng viên lên lớp đầy đủ. Đây là một kết quả không mấy vui vẻ cho các giảng viên nghỉ giảng hoặc nhờ người khác giảng thay. Theo kết quả hồi quy, nếu giảng viên nghỉ giảng hoặc nhờ người giảng thay, kết quả học tập của sinh viên sẽ thấp hơn kết quả học tập của sinh viên mà ở đó giảng viên lên lớp đầy đủ. Tuy kết quả này có ý nghĩa ở mức ý

nghĩa 10%, nhưng kết quả thực nghiệm vẫn có giá trị trong việc đề xuất nâng cao kỷ luật lao động đối với đội ngũ giảng viên sẽ góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

3.4. Yếu tố thuộc hộ gia đình sinh viên

Hầu hết các yếu tố tác động thuộc nhóm đặc điểm của hộ gia đình sinh viên không có tác động gì tới kết quả học tập của sinh viên tại trường. Sinh viên dù đến từ các vùng khác nhau, có quy mô gia đình khác nhau, trình độ giáo dục của cha mẹ khác nhau,... nhưng đều cùng chung một môi trường giáo dục, và quan trọng là môi trường giáo dục này khác xa với những đặc điểm của hộ gia đình của sinh viên. Trong thực nghiệm, kết quả này có thể đúng kỳ vọng của nhiều người và chấp nhận được bởi lẽ hầu hết các hộ gia đình khó có được những đóng góp và giúp ích gì được cho con em mình học tại trường đại học, trừ việc cung cấp chi phí học tập, và nơi ở (nếu có thể).

Thu nhập của hộ gia đình có tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên. Thu nhập của hộ gia đình tăng thêm 1 triệu đồng/tháng sẽ giúp cho kết quả học tập của sinh viên cao hơn 0,007 điểm, trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Rõ ràng rằng, thu nhập có tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên, tuy nhiên sự tác động đó là rất nhỏ trong thực tế. Kết quả thực nghiệm này dễ dàng được kiểm định trong thực tế vì có nhiều sinh viên gia đình khó khăn nhưng có kết quả học tập tốt và ngược lại. Điều này khẳng định rằng các chính sách liên quan tới tín dụng sinh viên hoặc trợ cấp, và học bổng... cho sinh viên thuần túy là các chính sách xã hội, nâng cao cơ hội được học tập của sinh viên hơn là cải thiện kết quả học tập của sinh viên.

Một kết quả thú vị trong phần này là nếu gia đình sinh viên có người đã hoặc đang học đại học (ngoài bản thân sinh viên) thì sinh viên đó có kết quả học tập cao hơn các sinh viên mà gia đình họ không có ai học đại học. Sinh viên có các thành viên gia đình đã và đang học đại học sẽ có kết quả học tập cao hơn các sinh viên mà trong gia đình không có ai học đại học là 0,27 điểm. Điều này có thể lý giải, hoặc yếu tố gen của gia đình hoặc sự tư vấn học tập của các thành viên gia đình cũng là một trong các yếu tố tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên.

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng khác

Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên ở nhóm này bao gồm cố vấn học tập, hệ thống

thư viện, và internet. Theo kết quả hồi quy, cố vấn học tập có tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên nhận được tư vấn từ cố vấn học tập có kết quả học tập cao hơn so với sinh viên không nhận được tư vấn từ cố vấn học tập. Tuy kết quả này chỉ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10% nhưng đó vẫn khẳng định vai trò quan trọng của cố vấn học tập. Kết quả này ủng hộ cho việc phát triển đội ngũ cố vấn học tập để họ có tư vấn xác đáng cho sinh viên trong quá trình học tập, nhằm giúp sinh viên nâng cao kết quả học tập tại trường.

Hệ thống thư viện và việc trang bị internet trong phạm vi trường không có tác động tới kết quả học tập của sinh viên. Kết quả hồi quy cho thấy hệ số của hai biến này mang dấu âm, có nghĩa là chúng ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả học tập, tuy nhiên các hệ số này không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Kết quả này có thể được giải thích khi hệ thống thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao kiến thức phù hợp với chương trình và nội dung đào tạo; còn internet mới chỉ giúp sinh viên trang bị các kiến thức ngoài bài vở, chứ chưa thực sự mang lại lợi ích cho kết quả học tập của sinh viên tại trường.

4. Đề xuất nâng cao kết quả học tập của sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân

Chiến lược phát triển của Đại học Kinh tế Quốc dân đã xác định sứ mệnh là cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo có chất lượng cao, đạt tới đẳng cấp khu vực và quốc tế góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với mục tiêu nâng cao chất lượng toàn diện của các hệ đào tạo trong trường, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ từng bước nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng đòi hỏi của xã hội.

Nghiên cứu này là một nghiên cứu mang tính khám phá và dựa chủ yếu vào khảo sát để đưa ra những nhận định và gợi ý, do đó có kết quả ước lượng chưa được giải thích sâu và một số nội dung khác chưa được đề cập trong khảo sát và cụ thể trong bài báo này. Các nội dung này có thể là những gợi ý nghiên cứu tốt cho các nghiên cứu tiếp theo. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm, phần này sẽ đề xuất một số ý kiến tới các bên liên quan trong Trường với mục tiêu góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên tại Đại học Kinh tế Quốc dân và

từng bước nâng cao chất lượng đào tạo tại trường nói chung.

Thứ nhất, đổi mới chương trình và nội dung đào tạo. Đổi mới chương trình và nội dung đào tạo theo hướng hội nhập với quốc tế, tăng tính chủ động và lựa chọn học phần của sinh viên. Kết quả thực nghiệm cho thấy chương trình ngắn gọn sẽ giúp sinh viên học ít tín chỉ hơn trong một học kỳ sẽ giúp sinh viên có kết quả học tập tốt hơn; và có nhiều môn học tự chọn hơn cũng sẽ giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập tại trường. Kết quả thực nghiệm này là một dẫn chứng ủng hộ việc xây dựng các chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho các ngành ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thứ hai, đổi mới phương pháp giảng dạy và cách đánh giá thông qua hình thức thi. Việc đổi mới phương pháp này theo hướng giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm, kết hợp với việc trao đổi/thảo luận cởi mở trong quá trình học của sinh viên. Còn hình thức thi nên được thiết kế trong đó có cả những phần tự luận và trắc nghiệm. Hình thức thi kết hợp này vừa kiểm tra được kiến thức đã học vừa đánh giá được sự vận dụng sáng tạo của học sinh.

Thứ ba, các học phần thuộc chương trình đào tạo cần phải có giáo trình. Công tác biên soạn và cập nhật giáo trình là nhân tố tác động mạnh tới kết quả học tập của sinh viên. Trong ngắn hạn, đối với học phần trong chương trình đào tạo chưa có giáo trình cần gắn với một tài liệu tham khảo chính. Tài liệu tham khảo này có thể là sách của nước ngoài đã được sử dụng rộng rãi trong các trường đại học của nước ngoài, cung cấp các vấn đề về lý luận và hướng dẫn thực nghiệm. Còn trong dài hạn, giáo trình là yêu cầu cho việc đưa môn học/học phần vào danh sách môn học cho sinh viên chọn lựa.

Thứ tư, xây dựng một lịch học phù hợp với điều kiện cụ thể tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Đây là một vấn đề có sự liên quan tới nhiều lĩnh vực và bộ phận quản lý khác nhau. Xây dựng lịch học phù hợp ở đây có nghĩa là có quy định về số lượng tín chỉ/học phần mà mỗi sinh viên được đăng ký trong một học kỳ vì theo kết quả hồi quy thực nghiệm số tín chỉ đăng ký càng nhiều kết quả học tập càng thấp. Vấn đề thứ hai trong xây dựng lịch học đó là thời gian ôn thi và buổi hệ thống. Theo kết quả nghiên cứu cả số lượng ngày sử dụng cho ôn thi học phần và buổi hệ thống đều không có tác động tới kết quả học tập của sinh viên. Chính vì vậy, cần nghiên

cứu để có lịch trình thi phù hợp, giúp sinh viên có được kết quả học tập cao nhất. Kinh nghiệm từ nước ngoài, hầu hết các học phần không có buổi học hệ thống, sinh viên chỉ được đăng ký tối đa không quá số lượng đơn vị học trình/tín chỉ nhất định, và thi hết học phần chỉ cho diễn ra trong vòng 1 tuần (final week).

Thứ năm, sắp xếp cán bộ giảng dạy và tăng cường kỷ luật lao động giúp tăng kết quả học tập của sinh viên. Kết quả hồi quy thực nghiệm cho thấy giảng viên có học hàm PGS giảng dạy sẽ giúp sinh viên có kết quả học tập cao hơn các nhóm giảng viên khác kể cả giảng viên có học hàm GS. Kết quả này ngụ ý rằng chất lượng đào tạo phụ thuộc lớn vào chất lượng của giảng viên mà hiệu quả nhất là đội ngũ PGS, nên các giải pháp tăng cường đội ngũ PGS cũng sẽ giúp làm tăng kết quả học tập của sinh viên và cuối cùng là chất lượng đào tạo. Điều nữa là củng cố kỷ luật lao động, sắp xếp lịch học giữa các hệ cho phù hợp nhằm hạn chế việc bỏ giảng và giảng thay của các giảng viên vì điều này, theo kết quả nghiên cứu thực nghiệm, sẽ ảnh hưởng tiêu cực và làm giảm kết quả học tập của sinh viên.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng của đội ngũ cố vấn học tập và tác phong chuyên nghiệp của đội ngũ văn thư và trợ lý khoa có đào tạo sinh viên. Theo kết quả hồi quy, cố vấn học tập có tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên, nhưng hiện tại chỉ có khoảng 40% số sinh viên được hỏi hài lòng về cố vấn học tập và khoảng 50% sinh viên hài lòng về trợ lý và văn thư của khoa đào tạo sinh viên. Như vậy, củng cố và nâng cao chất lượng tư vấn của đội ngũ này sẽ mang ý nghĩa tích cực tác động tới kết quả học tập của sinh viên và góp phần nâng cao chất

lượng đào tạo tại trường.

Thứ bảy, khơi dậy được sự hăng say học tập của sinh viên. Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy sự hăng say học tập của sinh viên sẽ giúp nâng cao kết quả học tập, và do đó giải pháp khuyến khích sinh viên hăng say học tập sẽ giúp nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Các đề xuất ở đây tập trung vào nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy của các giảng viên, và các chính sách khuyến khích sinh viên học tập,... làm sao đó tạo ra được sự say mê học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đề xuất ở đây là các khoa quản lý và giáo viên giảng dạy cần làm rõ cho sinh viên hiểu và yêu chuyên ngành mình lựa chọn. Đây là yếu tố rất quan trọng giúp nâng cao kết quả học tập và chất lượng đào tạo tại trường.

Thứ tám, nâng cấp và phát triển các cơ sở hạ tầng phục vụ học tập cho sinh viên. Theo kết quả phân tích hồi quy, nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ cho đào tạo của trường như thư viện và hệ thống máy tính kết nối internet,... không có tác động gì tới kết quả học tập của sinh viên cho dù đã có nhiều nâng cấp và cải tiến. Chính vì vậy, làm thế nào để vai trò của thư viện và internet đóng vai trò tích cực cho việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên là một câu hỏi cần được tiếp tục nghiên cứu để có câu trả lời chính xác. Bên cạnh đó, các cơ sở hạ tầng giáo dục khác như việc xây dựng khu vui chơi và luyện tập thể thao cho sinh viên cũng cần được nghiên cứu. Kết quả khảo sát khẳng định một khu luyện tập thể thao trong trường sẽ có ý nghĩa tích cực trong việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên. □

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Văn Vân (2008), “Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN Ngoại ngữ*, số 24, tr. 22-37.
2. *Kết quả thăm dò dư luận về các tổ quyết định đến hiệu quả học tập của sinh viên luật* (2009), truy cập ngày 10-07-2012, tại trang web <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2009/02/07/2309/>.
3. Lincoln, A. (1917), “The relative standing of pupils in high school, in early college, and college entrance examinations”, *School Society*. Vol 5, tr. 417-420.
4. Nguyễn Thị Phương Trà (2006), Vai trò của Thư viện trong đổi mới phương pháp giảng dạy, truy cập ngày-12-10-2011, tại trang web <http://opac.lrc.ctu.edu.vn/pdoc/67/6-vaitro.pdf>.
5. Todaro, M. và S. Smith (2011), *Economic Development*, Prentice Hall, 11 edition.
6. Trịnh Văn Anh (2010). Về hiện tượng học kém dần của học sinh – sinh viên và một số giải pháp khắc phục, Viện Nghiên cứu Giáo dục.